

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 4454/QĐ-BNN-VPĐP ngày 15/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 923/QĐ-TTg; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 160/TTr-SKH-CN ngày 23/02/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới (NTM) tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đề xuất được các giải pháp khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai; giải pháp tổng hợp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn; giải pháp quản trị và kết nối các cộng đồng cư dân gắn với cải thiện dịch vụ công và cải cách hành chính ở nông thôn.

Xây dựng và nhân rộng được các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng địa phương trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm.

Xác định rõ nội dung công việc và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch phải xác định được trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với các kế hoạch, chương trình, đề án phát triển chung của ngành; đảm bảo tích hợp, lồng ghép, không trùng lặp, kế thừa kết quả thực hiện trong giai đoạn trước của các nhiệm vụ đang triển khai và những nhiệm vụ đề xuất mới, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch để phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2023-2025.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nghiên cứu hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM (*sau đây gọi là Chương trình*) trên địa bàn tỉnh, nhất là các cơ chế, chính sách phát triển nông thôn gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, kinh tế xanh, nông thôn thông minh...; nghiên cứu đổi mới cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng NTM theo hướng tích hợp các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nhằm thống nhất cơ chế, chính sách hỗ trợ địa phương triển khai hiệu quả các nội dung của Chương trình, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

- Nghiên cứu giải pháp xã hội hóa, hợp tác công tư trong đầu tư, phát triển, quản lý và khai thác công trình bảo vệ môi trường, hạ tầng nông thôn, hạ tầng thương mại, phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững.

- Nghiên cứu giải pháp phát huy vai trò của chính quyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp (*đặc biệt là cấp cơ sở*) trong việc thực hiện Chương trình; giải pháp phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; giải pháp nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ và người dân về xây dựng NTM; giải pháp phát triển và thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng NTM, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường, hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững kết hợp tăng trưởng xanh.

2. Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững

2.1. Nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

- Nghiên cứu, xây dựng các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ quản trị nông thôn; xã hội hóa công nghệ thông tin trong quản lý cộng đồng, kết nối thôn, làng, hợp tác xã, đáp ứng tốt hơn dịch vụ công trong cộng đồng cư dân nông thôn.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề và địa phương.

- Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế trang trại, các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, làng thông minh với các dịch vụ nông thôn phù hợp hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu giải pháp phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn, thúc đẩy kết nối nông thôn - đô thị.

2.2. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, kiến trúc cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của các địa phương.

2.3. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong phát triển hạ tầng nông thôn bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, kinh tế - xã hội của địa phương.

2.4. Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cộng đồng.

2.5. Nghiên cứu giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa; chú trọng đến thu gom và xử lý rác thải rắn, chất thải nhựa, nước thải sinh hoạt và làng nghề.

2.6. Nghiên cứu giải pháp phát triển hạ tầng thương mại, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giải pháp tăng cường áp dụng các chứng nhận chất lượng trong sản xuất và thương mại nông sản.

3. Nghiên cứu xây dựng các mô hình NTM trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế, xã hội

3.1. Mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, nông nghiệp chính xác, vật liệu mới; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ và hiện đại hóa công tác thủy lợi để phát triển sản xuất, sơ chế và chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng an toàn, hữu cơ, sinh thái.

3.2. Mô hình ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại nông, lâm, thủy sản và quản trị nông thôn.

3.3. Mô hình làng sinh thái, làng thông minh đáp ứng an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

3.4. Mô hình khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế rừng; trồng và bảo vệ rừng; phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

3.5. Mô hình xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn.

3.6. Nhân rộng các mô hình nông thôn mới sau khi đã đánh giá hiệu quả của các mô hình.

4. Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM

- Phát hành các sách, tài liệu, ấn phẩm (*bản giấy và điện tử*) về các quy trình, công nghệ đã chuyên giao; mô hình tổ chức, quản lý, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất là sản phẩm của các đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM, để phổ biến, nhân rộng kết quả của Chương trình.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng NTM.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm (*chi phí đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của tỉnh*) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; ưu tiên đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu của tỉnh, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khác.

- Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính

Thực hiện cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch nếu cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh xét duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh theo đề xuất đặt hàng của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; lồng ghép với nội dung các chương trình, đề án, kế hoạch khác liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; lồng ghép các chương trình về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc chức năng quản lý nhà nước được giao để tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nội dung của Chương trình trên cùng địa bàn và đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đối tượng thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp, đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*đơn vị được giao chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh*), dự kiến phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch vào nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hằng năm đề trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu trong việc tham gia, hỗ trợ Chương trình, xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào kế hoạch của đơn vị để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ vào Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn, làm cơ sở để bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM tại địa phương và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất đặt hàng, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM trên địa bàn.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ triển khai tại địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2025. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động gửi ý kiến về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Báo Ninh Bình; Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP6,2,3,5.

TN_VP6_02.KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn